TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 22-5-2024.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hùng;
2. Ông Cao Hoài Hiêm.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Thu V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: anh Danh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu V trình bày:

Chị Phạm Thị Thu V và anh Danh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, do trong cuộc sống có nhiều quan điểm sống không hòa hợp với nhau, tình cảm vợ

chồng phai nhạt dần, chị V và anh T không còn trách nhiệm với nhau, từ đó cuộc sống luôn căng thẳng, thường xuyên gây gỗ nhau. Chị V và anh T ly thân từ năm 2022 đến nay. Nguyên nhân là do anh T thay đổi tính tình. Lúc này chị V bị bệnh nhưng anh T không có trách nhiện của người chồng. Anh T đi làm về rồi nhậu nhẹt với bạn bè, không quan tâm hay chăm sóc gì đến sức khỏe của chị V. Chị V nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hơn thế nữa, nhiều lần chị V đi cấp cứu tại bệnh viện anh T cũng không nuôi bệnh.

Anh T không có trách nhiệm nên chị V cũng không còn tình cảm gì với anh T nữa nên quyết định sống ly thân. Chị V về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp S, xã P, huyện G. Trong thời gian này, mạnh ai nấy sống, không ai bàn đến việc đoàn tụ. Nay nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V quyết định ly hôn với anh Danh T.

Nguyện vọng của chị V: yêu cầu Tòa án không công nhận chị Phạm Thị Thu V và anh Danh T là vợ chồng.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Danh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất lời trình bày của chị Phạm Thị Thu V về thời gian chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên cãi nhau. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn nên anh T đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Thu V.

Con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thu V và anh Danh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thu V, anh Danh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2003, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung, do trong cuộc sống có nhiều quan điểm sống không hòa hợp với nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, chị V và anh T không còn trách nhiệm với nhau, từ đó cuộc sống luôn căng thẳng, thường xuyên gây gỗ nhau. Chị V và anh T ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ ngày ly thân, chị V và anh T không ai nói tới ai, không còn quan tâm nhau và không ai có thiện chí hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V, anh T.

[3] Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết;

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Thu V và anh Danh T.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Phạm Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015129 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Minh Tú